

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 27 - 10 -2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Ngọc Thi và ông Lê Chí Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 22/2020/TLST-DS ngày 02/7/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐ-TA ngày 28/9/2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

**\* Bị đơn:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt bà H, có mặt bà L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà Nguyễn Thị H và bà Đỗ Thị L có mối quan hệ quen biết qua em dâu của bà H. Từ ngày 28/12/2015 đến ngày 02/12/2017 bà H đã cho bà L vay tiền làm nhiều lần. Trong đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà L trả tổng số tiền nợ gốc là 797.000.000đ và tiền lãi từ tháng 01/2018 đến khi thanh toán xong nợ và lãi suất là 20%/năm. Tại phiên hòa giải ngày 18/8/2020 bà H xác định tổng số tiền bà L vay của bà H tính đến ngày 02/12/2017 là 618.000.000đ. Cụ thể: Ngày 28/12/2015 vay 25.000.000đ; ngày 18/1/2016 vay 12.000.000đ; ngày 28/1/2016 vay 20.000.000đ; ngày 28/2/2016 vay 25.000.000đ; ngày 28/3/2016 vay 45.000.000đ; ngày 26/4/2016 vay 20.000.000đ; ngày 27/5/2016 vay 20.000.000đ; ngày 27/6/2016 vay 40.000.000đ; ngày 03/7/2016 vay 20.000.000đ; ngày 14/6/2016 vay 20.000.000đ;

ngày 25/6/2016 vay 20.000.000đ; ngày 14/8/2016 vay 30.000.000đ; ngày 19/1/2017 vay 20.000.000đ; ngày 25/6/2017 vay 20.000.000đ; ngày 03/8/2017 vay 20.000.000đ; ngày 27/8/2017 vay 40.000.000đ; ngày 11/9/2016 vay 50.000.000đ; ngày 15/9/2017 vay 30.000.000đ; ngày 02/10/2017 vay 28.000.000đ; ngày 08/10/2017 vay 30.000.000đ; ngày 18/10/2017 vay 42.000.000đ; ngày 24/10/2017 vay 28.000.000đ; ngày 02/12/2017 vay 13.000.000đ.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện ra tòa án buộc bà Đỗ Thị L phải trả cho bà H toàn bộ số tiền gốc đã vay của bà H từ ngày 28/12/2015 đến ngày 02/12/2017 là 618.000.000đ tiền gốc, lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/01/2018 (ngày chậm trả tiền gốc) đến nay với 20%/năm cho đến khi trả xong công nợ.

**\* Quan điểm trình bày của bị đơn bà Đỗ Thị L:**

Bà L công nhận có quan hệ quen biết như bà H trình bày là đúng. Từ năm 2015 đến đầu năm 2018 bà L có vay tiền của bà H rất nhiều lần. Trong bản trình bày, bà khai số tiền viết giấy vay nợ giữa bà L và bà H nhiều lần tổng cộng là 547.000.000đ. Số tiền gốc đã trả là 162.000.000đ, số tiền lãi đã trả là 174.250.000đ. Chỉ còn nợ gốc 385.000.000đ. Khi vay có thỏa thuận lãi và hạn khi nào cần thanh toán gốc thì báo trước. Qua đối chiếu sổ sách và xác nhận các giấy nhận nợ do bà H xuất trình tại phiên công khai chứng cứ (ngày 18/8/2020) thì bà L công nhận tổng số tiền vay theo giấy tờ nợ gốc vay là 618.000.000đ theo các giấy nhận nợ sau: Ngày 28/12/2015; 18/1/2016; 28/1/2016 (giấy nhận nợ ghi 28/12/2016 thực chất là ngày 28/1/2016); 28/2/2016; 20/3/2016; 26/4/2016; 27/5/2016; 27/6/2016; 03/7/2016; 14/8/2016; 19/1/2017; 14/6/2017; 25/6/2017; 03/8/2017; 27/8/2017; 16/9/2017; 15/9/2017; 02/10/2017; 08/10/2017; 18/10/2017; 24/10/2017; 02/12/2018.

Bà L đã trả bà H tổng số tiền nợ gốc là 175.000.000đ (theo 05 lần trả nợ trong đó có 04 lần ghi trong sổ của bà L, bà H có ký nhận là 150.000.000đ còn 01 lần bà trả vào ngày 28/2/2016 bà đã ghi rõ ràng trong giấy xác nhận nợ giao cho bà H giữ). Tổng số tiền lãi đã trả là 40.070.000đ (số tiền lãi đã trả cho bà H bà L không tính nữa). Hiện nay số nợ gốc còn lại là 443.000.000đ. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà L đồng ý trả nợ gốc là 443.000.000đ còn tiền lãi thì do quá khó khăn nên bà L xin không trả lãi nữa.

**\* Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm đã sửa đổi, bổ sung ngày 26/9/2020: buộc bà Đỗ Thị L phải trả cho bà H toàn bộ số tiền gốc đã vay của bà H từ ngày 28/12/2015 đến ngày 02/12/2017 là 618.000.000đ tiền gốc, lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ tháng 01/2018 đến nay là 20%/năm cho đến khi trả xong công nợ. Bà không chấp nhận số tiền 175.000.000đ mà bà L khai đã trả nợ gốc; mặc dù số tiền 150.000.000đ ghi trong sổ bà L bà có nhận nhưng trả các khoản nợ cho nhau vay bằng lời không liên quan đến giấy vay nợ mà đôi bên đã xác nhận tại biên bản công khai chứng cứ ngày 18/8/2020. Riêng số tiền 25.000.000đ ghi ngày 28/2/2016 của bà L trong giấy

nhận nợ mà bà H đang giữ bà không công nhận đã nhận số tiền này như vậy số nợ gốc vẫn còn 618.000.000đ. Việc bà L khai hứa hẹn trả nợ bà bằng đất là không thể thực hiện được vì đất đứng tên con gái bà L trong sổ đỏ chứ không phải của bà L. Nay tại phiên tòa bà L trả đủ 618.000.000đ thì bà H không đòi lãi nữa.

Bà L vẫn giữ nguyên các quan điểm tại biên bản công khai chứng cứ ngày 18/8/2020 cụ thể: Số tiền gốc các bên cho nhau vay nợ từ 28/12/2015 đến 02/12/2017 là 618.000.000đ, số tiền gốc đã trả trong sổ 150.000.000đ bà L đã ký nhận và 25.000.000đ ghi trong giấy vay nợ đề ngày 28/2/2016 là trả nợ gốc cho các khoản vay có giấy tờ giữa đôi bên, trong bản trình bày bà còn khai số tiền trả nợ gốc cho bà H là 162.000.000đ nhưng bà H chỉ ký xác nhận trong sổ của bà L là 150.000.000đ còn 7.000.000đ bà H không ký nhận thì bà xác định chấp nhận đã trả nợ gốc cho bà H là 150.000.000đ. Số tiền lãi đôi bên đã trả 40.070.000đ không tính lại nữa. Bà giữ nguyên quan điểm chỉ trả cho bà L số nợ gốc là 443.000.000đ và trả dần còn tiền lãi thì do quá khó khăn nên bà L xin không trả lãi nữa vì cuối năm 2017 bà H đòi tiền nợ gốc bà có đề nghị cắt đất mà bà L đang ở để trả nhưng bà H không đồng ý chứ không phải bà không thiện chí trả nợ. Hiện nay bà chỉ có lương hưu khoảng 6.000.000đ, bà xin trả dần nợ cho bà H bằng 20% lương hàng tháng.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX), việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các Quyết định và hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 68, 144, 147, 184, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357; 463; 465; 466; 468; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/01/2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Đỗ Thị L phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 443.000.000đ và tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày 02/01/2018 cho đến khi trả xong nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải nộp theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hiện nay bà Đỗ Thị L vẫn đang cư trú, sinh sống tại Thôn 6, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên việc bà H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản (là tiền) giữa bà H và bà L được xác lập, thể hiện qua các “Giấy vay tiền”. Tất cả các văn bản này đều do nguyên đơn xuất trình bản phô tô đã được Tòa án đối chiếu bản gốc và tại phiên tòa nguyên đơn xuất trình các bản gốc có chữ viết và chữ ký của bà Đỗ Thị L tại các văn bản này để HĐXX và Kiểm sát viên xem xét, đối chiếu. Như vậy, đây là các hợp đồng vay không kỳ hạn có thỏa thuận về lãi suất nhưng không rõ lãi suất được hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp nên được pháp luật dân sự bảo vệ. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hai bên đã thống nhất xác nhận các khoản vay có giấy nhận nợ từ 28/12/2015 đến 02/12/2017 là 618.000.000đ nợ gốc. Số tiền lãi được xác nhận trong các giấy nhận nợ đã đối chiếu đến 13/01/2018 tổng cộng là 40.070.000đ và kể từ tháng 01/2018 trở đi các bên không tính lại lãi nữa. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các nội dung trên đã được các bên đương sự thừa nhận nên Tòa không phải chứng minh.

[3] Về yêu cầu kiện đòi tiền gốc của nguyên đơn:

- Đối với số tiền gốc: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, qua đối chiếu sổ sách và xác nhận các giấy nhận nợ do bà H xuất trình thì bà L và bà H thống nhất công nhận tổng số tiền vay theo giấy tờ nợ gốc vay là 618.000.000đ theo các giấy nhận nợ sau: Ngày 28/12/2015; 18/1/2016; 28/1/2016; 18/2/2016; 20/3/2016; 26/4/2016; 27/5/2016; 27/6/2016; 03/7/2016; 14/8/2016; 19/1/2017; 14/6/2017; 25/6/2017; 03/8/2017; 27/8/2017; 16/9/2017; 15/9/2017; 02/10/2017; 08/10/2017; 18/10/2017; 24/10/2017; 02/12/2017. Trong các giấy vay, nhận nợ không ấn định ngày trả nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa bà L xuất trình sổ của bà L có chữ ký xác nhận của bà H đã nhận tổng cộng 150.000.000đ (ngày 15/4/2016 nhận 15.000.000đ; ngày 16/6/2016 nhận 20.000.000đ và 5.000.000đ; ngày 05/7/2017 nhận 110.000.000đ) và một giấy biên nhận ngày 28/2/2016 bà L là người viết giấy nhưng chỉ có 01 bản duy nhất giao cho bà H giữ có ghi đã trả số nợ gốc của số tiền 25.000.000đ (trả cho khoản vay nợ gốc vay ngày 28/12/2015). Như vậy, tuy bà H không thừa nhận nhưng bà không đưa ra được bất kỳ tài liệu nào về số tiền 175.000.000đ bà đã nhận là trả cho các khoản vay bằng lời thì bà H phải chấp nhận số tiền 175.000.000đ bà L đã trả nợ gốc cho các khoản vay có giấy tờ. Căn cứ vào các Điều 463; 465; 466; 468; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc bà H khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ gốc có căn cứ và được HĐXX chấp nhận một phần. Cụ thể: Đối trừ số tiền nợ gốc mà các bên đã thống nhất là 618.000.000đ với số tiền nợ gốc 175.000.000đ bà L đã trả bà H, kể từ 01/01/2018 bà L còn phải trả bà H số tiền nợ gốc là 443.000.000đ.

[4] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Các bên đương sự đã thống nhất số tiền lãi đã trả cho các giấy vay nợ là 40.070.000đ (kể từ năm 2015 đến hết năm 2017), các bên không tính lại nữa. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật, đạo đức xã hội và thuộc quyền tự định đoạt của đương sự được HĐXX chấp nhận là đúng pháp luật. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc bà H chỉ đòi tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả ngoài ra không có bất cứ yêu cầu gì khác. Đối chiếu Điều 688 của Bộ luật dân sự và Điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi và lãi suất thì hợp đồng vay nợ giữa bà H và bà L xác lập từ năm 2015 đến tháng 12/2017 vẫn đang thực hiện nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 vì đôi bên đã chốt lại thời điểm tính nợ gốc từ tháng 01/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết kể trên và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của bà H được xác định theo lãi suất tại khoản 2 Điều 468 (lãi suất là 10%/năm) tương ứng với số tiền gốc chưa trả và thời hạn chậm trả nợ gốc.

Về thời điểm chậm trả nợ gốc: Tuy các bên không xác định bằng văn bản nhưng tại phiên tòa các bên đều thừa nhận bà H đã báo trước cho bà L yêu cầu đòi nợ gốc từ cuối năm 2017. Ngày 02/12/2017 là ngày cuối cùng các bên cho nhau vay nợ; cần áp dụng điều 6 của Nghị quyết nêu trên để xác định thời gian hợp lý để thông báo trả nợ gốc. Như vậy xác định thời điểm chậm trả nợ gốc là ngày tiếp theo liền kề khi hết 30 ngày kể từ ngày 02/12/2017. Cụ thể: thời điểm chậm trả nợ gốc của bà L đối với bà H được tính từ ngày 02/1/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2 năm 9 tháng 26 ngày và lãi xuất là 10%/năm trên tổng số tiền nợ gốc là 443.000.000đ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền lãi bà L phải trả bà H là 125.024.444đ (làm tròn là 125.024.000đ).

[5] Về yêu cầu đòi tính lãi của bà H cho đến khi bà L trả xong nợ: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 01/2019 thì kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm nếu chậm thi hành án thì bà L còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thi hành án theo lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu tiếp tục tính lãi của bà H cho đến khi bà L trả hết nợ (số tiền phải thi hành án) có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H được Tòa án chấp nhận thì bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả. Đối với yêu cầu về trả số nợ gốc và nợ lãi bà H không được Tòa chấp nhận lẽ ra bà phải nộp án phí nhưng xét đơn xin miễn án phí bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bà H được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên HĐXX không xử lý về tạm ứng án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 146; 147; 227; 271; 273; 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.  
- Căn cứ Điều 357; 463; 465; 466; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.  
- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Đỗ Thị L.

2/ Buộc bà Đỗ Thị L chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là: 443.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng) và tiền lãi là 125.024.000đ (một trăm hai năm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng là 568.024.000đ (Năm trăm sáu mươi tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2020) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị L phải nộp: 26.720.960đ làm tròn 26.721.000đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà H, bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Oanh**